

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2024
V/v ly hôn giữa bà H và ông G

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.
- Ông Nguyễn Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1999;

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: ông Nguyễn Việt Trường G, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: ấp R, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

(Tất cả đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2024, bản tự khai ngày 24/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: bà H và ông G cưới nhau năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2023 ngày 17/3/2023, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng nhau lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là vào tháng 9 năm 2023 bà H phát hiện ông G ngoại tình với nữ đồng nghiệp, cũng là lúc bà H biết mình đang mang thai được 07 tuần. Bà H đã nhiều lần khuyên can ông G nhưng ông G vẫn không sửa đổi và tiếp tục giữ liên lạc và qua lại với nữ đồng nghiệp. Ông G ngày càng có biểu hiện không tôn trọng, xúc phạm đến uy tín, danh dự gia đình vợ. Vợ chồng đã nhiều lần tạo cơ hội cho nhau

nhưng không hòa hợp được. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **H** yêu cầu được ly hôn với ông **G**.

Về nuôi con chung: bà **H** và ông **G** có 01 con chung tên **Nguyễn Việt Minh H1**, sinh ngày 26/3/2024. Hiện nay, con đang sống chung với bà **H**. Khi ly hôn, bà **H** yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông **G** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông **Nguyễn Việt Trường G** trình bày:

Về hôn nhân: Ông **G** thống nhất về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, đăng kí kết hôn, quá trình chung sống đúng như bà **H** nêu. Ông cũng thừa nhận về mâu thuẫn vợ chồng là đúng như bà **H** trình bày. Do tuổi trẻ bồng bột nên ông có qua lại với người phụ nữ khác nhưng hiện nay ông đã nhận ra việc làm của mình là sai và đã chấm dứt mối quan hệ đó được khoảng 04 tháng nay. Ông **G** có về quê vợ để thăm con, bà **H** cho thăm con nhưng không cho ở lại nên ông không có cơ hội hàn gắn. Đối với yêu cầu ly hôn, ông **G** không đồng ý nhưng hiện nay ông chưa có biện pháp nào để vợ chồng hàn gắn. Tại phiên tòa, ông **G** đồng ý ly hôn với bà **H**.

Về nuôi con chung: ông **G** và bà **H** có 01 con chung tên **Nguyễn Việt Minh H1**, sinh ngày 26/3/2024. Hiện nay, con đang sống chung với bà **H**. Ông **G** đồng ý để bà **H** tiếp tục nuôi con và ông **G** không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà **Nguyễn Thị Thúy H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Việt Trường G**. Ông **G** là bị đơn hiện đang cư trú tại **ấp R, xã M, huyện C, tỉnh Long An**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: bà **Nguyễn Thị Thúy H** và ông **Nguyễn Việt Trường G** cưới nhau năm 2023, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã M, huyện C** và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2023 ngày 17/3/2023 nên xác định hôn nhân giữa bà **H** và ông **G** là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà **H** trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông **G** ngoại tình với nữ đồng nghiệp, cũng là lúc bà **H** biết mình đang mang thai được 07 tuần. Bà **H** đã nhiều lần khuyên can ông **G** nhưng ông **G** vẫn không sửa đổi và tiếp tục giữ liên

lạc và qua lại với nữ đồng nghiệp. Ngoài ra, ông G ngày càng có biểu hiện không tôn trọng, xúc phạm đến uy tín, gia đình vợ. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông G. Tại phiên tòa, ông G đồng ý ly hôn với bà H nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông G.

[2.2] Về nuôi con chung: bà H và ông G có 01 con chung tên Nguyễn Việt Minh H1, sinh ngày 26/3/2024. Hiện nay, bà H đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Việt Minh H1. Ông G đồng ý để bà H tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung Nguyễn Việt Minh H1 hiện đang sống chung với bà H, cuộc sống ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Việt Minh H1. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, bà H trình bày không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông G xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Việt Trường G.

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Việt Trường G.

2. Về nuôi con chung: bà H và ông G có 01 con chung tên Nguyễn Việt Minh H1, sinh ngày 26/3/2024. Bà Nguyễn Thị Thúy H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Việt Minh H1. Ông Nguyễn Việt Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: bà **Nguyễn Thị Thúy H** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà **H** đã nộp theo biên lai thu số 0011819 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà **H** đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã Mỹ Lệ, huyện C ưuH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thủy Tiên